



Ngăn chặn suy giảm kinh tế: Từ lý thuyết đến thực tiễn Việt Nam

PGS., TS. TRẦN CHÍ THIÊN – TS. NGUYỄN THỊ GẤM

Trường Đại học Kinh tế và QTKD, Đại học Thái Nguyên

Thế giới đang ở trong cơn suy thoái kinh tế trầm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ 2. Các nước đang áp dụng nhiều giải pháp khác nhau để chống suy thoái kinh tế. Ở Việt Nam chưa có suy thoái kinh tế, nhưng dấu hiệu suy giảm kinh tế thì đã rõ. Bài viết này tập trung phân tích nguyên nhân của suy giảm kinh tế ở Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp cần áp dụng để ngăn chặn đà suy giảm kinh tế ở nước ta

Các quan điểm kinh tế học về chống khủng hoảng kinh tế

Suy thoái là pha của chu kỳ kinh tế trong đó GDP thực tế giảm đi. Ở Mỹ và Nhật Bản, người ta quy định rằng, khi tốc độ tăng trưởng GDP thực tế mang giá trị âm suốt hai quý liên tiếp thì gọi là suy thoái. Suy thoái kinh tế kéo dài và trầm trọng được gọi là khủng hoảng kinh tế (KHKT).

- Trước Mác, Jean Charles Leonard Simonde (Pháp, 1773-1842), Thomas Malthus (Anh, 1766-1834) đã khẳng định KHKT là khủng hoảng thừa hàng hoá so với sức mua eo hẹp của thị trường.

- Karl Marx (Các Mác, Đức, 1818-1883) cũng thống nhất về nguyên nhân trên của KHKT. Ông là người đầu tiên phát hiện ra tính chu kỳ của KHKT gồm 4 giai đoạn: khủng hoảng, tiêu điều, phục hồi, hưng thịnh và khẳng định KHKT là người bạn đồng hành của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Giải pháp, theo ông, là các doanh nghiệp phải tự mình thoát ra khỏi khủng hoảng bằng cách giảm tiền công, tăng cường độ lao động và nhất là đổi mới tư bản cố định (máy móc, thiết bị...) từ đó tăng năng suất lao động, giảm

chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng lợi nhuận, tạo ra sự phục hồi của nền kinh tế (5)

- John Maynard Keynes (Anh, 1883-1948) đã đưa ra Lý thuyết về khủng hoảng kinh tế và biện pháp khắc phục trong tác phẩm "Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ" năm 1936. Ông gợi ý 4 nhóm chính sách chống KHKT như sau: (i) Đảm bảo đầu tư nhà nước và kích thích đầu tư tư nhân; (ii) Sử dụng hệ thống tài chính-tín dụng và lưu thông tiền tệ như tăng cung tiền, giảm lãi suất, giảm thuế, mở rộng đầu tư với tư cách là công cụ vĩ mô để điều tiết kinh tế; (iii) Tạo việc làm để người dân có thêm thu nhập và do đó tăng được sức mua của thị trường; (iv) Kích thích tiêu dùng để tăng khả năng tiêu thụ của thị trường.

- Trường phái trọng tiền, đại diện tiêu biểu là Milton Friedman (Mỹ, 1912-2006) (giải Nobel về Kinh tế năm 1976), coi mức cung về hàng hoá là tương đối ổn định nên mức cầu về tiền có tính chất tương đối ổn định. Trong khi đó, mức cung về tiền không có tính ổn định mà phụ thuộc vào cơ quan quản lý tiền. Nếu cơ quan quản lý tiền phát hành quá nhiều tiền sẽ dẫn đến lạm phát. Nếu phát hành quá ít tiền sẽ dẫn đến suy thoái kinh

tế. Trường phái này, như vậy, cũng nhất trí như Keynes khi cho rằng tăng cung tiền ở mức hợp lý sẽ có thể khắc phục được suy thoái kinh tế.

- Trường phái trọng cung, với đại diện tiêu biểu nhất Robert Mundell (Mỹ, 1932-) (giải Nobel về Kinh tế năm 1999), cho rằng tăng cung hàng hoá sẽ làm tăng cầu hàng hoá. Trên thực tế, điều này rất đúng. Chẳng hạn, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, một mặt dẫn đến tăng cầu về xi măng, sắt thép... là tư liệu sản xuất đầu vào cho xây dựng, mặt khác tạo ra nhiều việc làm và do đó tăng thu nhập cho người lao động, và do vậy tăng được khả năng và nhu cầu mua sắm của họ trên thị trường. Muốn chống suy thoái kinh tế, theo Mundell, phải tăng năng suất lao động (tương tự như quan điểm của Các Mác là phải đổi mới công nghệ), để tăng cầu đầu vào, tăng thu nhập cho doanh nghiệp, từ đó kích thích tiết kiệm và tái đầu tư. Để tăng tiết kiệm và kích thích đầu tư, còn phải giảm thuế (tương tự như Keynes), xoá bỏ chướng ngại cho đầu tư tư nhân. Giảm thuế sẽ giảm được chi phí sản xuất cho doanh nghiệp, kích thích doanh nghiệp mở rộng sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm,

tăng thu ngân sách và tăng trưởng kinh tế.

• Paul Robin Krugman (Mỹ, 1953 - giải Nobel về Kinh tế năm 2008) cho rằng chi tiêu công của chính phủ có ý nghĩa rất quan trọng trong KHKT.

Tóm lại, các quan điểm kinh tế học cho thấy Nhà nước có thể nhận thức được tính quy luật của chu kỳ kinh tế, có thể sử dụng các công cụ chính sách nhằm rút ngắn thời gian nền kinh tế bị suy thoái, kéo dài thời gian nền kinh tế phục hồi, hưng thịnh. Chu kỳ kinh tế, khủng hoảng kinh tế, suy thoái kinh tế, suy giảm kinh tế là quy luật của kinh tế thị trường. Chúng ta không có gì phải hoảng hốt khi thấy nền kinh tế nước nhà suy giảm, mà phải chủ động nhận thức quy luật và có những đề xuất giúp Nhà nước có các quyết sách đúng trong vận dụng quy luật.

Các biện pháp đối phó với suy giảm kinh tế của Việt Nam

Ở Việt Nam, dấu hiệu suy giảm của nền kinh tế đã lộ rõ trong quý I/2009: Một là, GDP tăng chậm lại, chỉ đạt 3,1%; trong đó lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng chậm nhất, chỉ 1,5%. Hai là, xuất nhập khẩu sụt giảm đáng kể do sức mua của thị trường cả trong và ngoài nước đều suy yếu. Kim ngạch xuất khẩu, nếu không kể xuất khẩu vàng bị giảm 15%. Giá trị nhập khẩu giảm tới 45%, chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị cho đầu tư bị giảm đi. Nếu trừ vàng, quý I/2009, Việt Nam đã nhập siêu 640 triệu USD. Ba là, đầu tư nước ngoài giảm tới 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Bốn là, du lịch suy giảm do thu nhập của khách quốc tế giảm đi (lượng khách quốc tế đến Việt Nam giảm tới 16%) và do hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam yếu đi. Năm là, thất nghiệp tăng mạnh. Dự kiến năm 2009 sẽ có thêm 0,5 triệu người mất việc cộng với khoảng 1,7 triệu người hàng năm đến tuổi lao động không có

việc làm sẽ là một mối lo lớn cho xã hội. Sáu là, phần lớn các doanh nghiệp gặp khó khăn. Số liệu điều tra cho thấy, hiện có tới 20% doanh nghiệp Việt Nam đang ở trong tình trạng "hết hơi", 60% đang gặp khó khăn, chỉ còn 20% vẫn đang làm ăn tốt. Bảy là, bất bình đẳng, đói nghèo và bất ổn xã hội tăng lên(4).

Ngày 11/12/2008, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Trong năm 2009, nước ta phải tập trung hoàn thành và triển khai thực hiện các chương trình, đề án đã được giao để

với tổng trị giá lên tới 9 tỷ USD để kích cầu đầu tư và tiêu dùng, đảm bảo an sinh xã hội.

Nguyên nhân của suy giảm kinh tế

Nguyên nhân bên ngoài:

Các nền kinh tế lớn nhất thế giới như Mỹ, Nhật, Tây Âu đang bị khủng hoảng nặng nề chưa từng có sau thế chiến II. Ở các nước này, sản xuất đình đốn, hàng loạt doanh nghiệp phá sản, thất nghiệp tăng, thu nhập của người dân giảm sút. Sức mua trên thị trường các nước này bị thu hẹp, ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác, trong lúc khó khăn, các nước đều phải điều

“**Chu kỳ kinh tế, khủng hoảng kinh tế, suy thoái kinh tế, suy giảm kinh tế là quy luật của kinh tế thị trường. Chúng ta không có gì phải hoảng hốt khi thấy nền kinh tế nước nhà suy giảm, mà phải chủ động nhận thức quy luật và có những đề xuất giúp Nhà nước có các quyết sách đúng.**

thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, ưu tiên hỗ trợ ngành hàng sản xuất có lợi thế thay thế hàng nhập khẩu, sử dụng nguyên liệu trong nước, sử dụng nhiều lao động; thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ linh hoạt, giảm, giãn thuế cho doanh nghiệp. Cụ thể, Chính phủ cho phép giảm tới 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp; giãn thời gian ân hạn nộp thuế đối với một số ngành hàng; thực hiện chính sách về ân hạn thời hạn nộp thuế nhập khẩu (275 ngày) đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu... Chính phủ đã ban hành 2 gói kích cầu

chính lại chính sách xuất nhập khẩu, chính sách tỷ giá để bảo hộ hàng trong nước nên xuất hiện nhiều rào cản cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. Hơn nữa, các dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam, trong lúc khó khăn, cũng bị cắt giảm, nhất là vốn FDI. Nhiều doanh nghiệp FDI đã đăng ký vốn nhưng đình hoãn hoặc chậm triển khai thực hiện. Năm 2008, dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam lên tới 60 tỷ USD, nhưng trong tháng 1/2009, chỉ có 200 triệu USD vốn FDI đã được đăng ký.

Nguyên nhân bên trong

Thứ nhất, cơ cấu nội tại của nền kinh tế có nhiều bất cập

Hãy xuất phát từ hàm tổng cầu Keynes để có được cái nhìn khái quát:

$$GDP = C + G + I + NX.$$



Trong đó, GDP là tổng thu nhập quốc nội. C là tiêu dùng cá nhân. G là chi tiêu của chính phủ. I là đầu tư. NX là xuất khẩu ròng, bằng giá trị xuất khẩu (X) trừ đi giá trị nhập khẩu (M) hay $NX=X-M$.

Theo số liệu 2007, ở nước ta:

- C chiếm tới 64,9% trong GDP, cao nhất trong khu vực, tương đương với ở Indonesia và Campuchia, cao hơn nhiều so với ở Trung Quốc (37,1%), Thái Lan (53.5%). Nguyên nhân là do năng suất lao động của ta thấp, trong khi dân số đông (86 triệu người) với 73% dân số là nông dân.

- G chiếm tỷ trọng 6,1%. Đây là mức quá thấp so với 14,4% của Trung Quốc, 12,6% của Thái Lan. Chính phủ cần đầu tư thêm cho giáo dục, y tế nhằm phát triển vốn con người.

- I chiếm 44,7% trong GDP. Đây là mức khá cao. Tuy nhiên, trong đó Nhà nước là nhà đầu tư lớn nhất, chiếm tới 2/3 trong số đó (hơn 22%). Các nhà đầu tư tư nhân chỉ đầu tư một lượng vốn bằng 10,4% GDP (so với 35% ở Trung Quốc, 17% ở Thái Lan). Do đầu tư của các tập đoàn kinh tế nhà nước không đạt hiệu quả cao như đầu tư của các công ty tư nhân, nên cơ cấu đầu tư này là nguyên nhân làm cho hiệu quả đầu tư chung của nền kinh tế thấp, hay ICOR của nền kinh tế Việt Nam cao. Năm 2007, ICOR của các DN tư nhân là 3-4, các tập đoàn kinh tế nhà nước là 6-7, của cả nền kinh tế là 4,5. Trong thời buổi suy giảm kinh tế hiện nay, có tính toán cho rằng ICOR của nền kinh tế là 7-8, của DNNN là 10.

- Độ mở của nền kinh tế càng cao, càng phụ thuộc nhiều vào thị trường bên ngoài và càng chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Độ mở của nền kinh tế đo bằng tỷ lệ giữa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (X+M) chia cho GDP. Chỉ tiêu này, năm 2007 ở nước ta đạt tới 167% GDP (so với 72% của Trung Quốc, 139% của Thái Lan, 200% của Malaysia, 400% của Hồng Kông và Singapore).

Việt Nam là đất nước có cán cân thương mại thâm hụt triền miên. $NX=X-M$ thường mang giá trị âm. Từ đẳng thức kép $(S-I)=NX=(X-M)$, ta có $S-I=X-M$ hay $S+M=X+I$ có thể thấy nguyên nhân thâm hụt thương mại và cách giải quyết của bản thân nền kinh tế. Theo số liệu năm 2007, $S = 28\%$ GDP, $I = 44,7\%$ GDP. Tiết kiệm ít hơn



Các giải pháp chống suy giảm kinh tế của Việt Nam phải chú ý đến khả năng ngân sách, dự trữ ngoại tệ và thâm hụt thương mại

đầu tư nên nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu, bởi vì ta phải nhập khẩu vốn (chủ yếu là dưới dạng máy móc thiết bị, nguyên vật liệu) thông qua FDI, ODA của nước ngoài để tài trợ cho các khoản đầu tư này...(7)

Thứ hai, nước ta đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong bối cảnh lạm phát cuối 2007 ở Việt Nam vào loại cao nhất trong khu vực, các tác động trễ của các chính sách thắt chặt tài khóa và tiền tệ được thực hiện năm 2008 có thể vẫn còn đang phát huy tác dụng. Cụ thể:

- Mức thâm hụt thương mại của Việt Nam là khá lớn, năm 2007: 17 tỷ USD, chiếm 20% GDP (so với Trung Quốc, thặng dư thương mại là 11% GDP). Tỷ giá VND/USD chưa linh hoạt. NHNNVN công bố tỷ giá và dùng các biện pháp để duy trì tỷ giá đó. Hiện tại, VND được định giá quá cao so với USD và các đồng tiền của nhiều nước đối tác thương mại khác làm giảm khả năng xuất khẩu (giảm X), tăng nhu cầu nhập khẩu (tăng M). Đây là một nguyên nhân quan trọng gây ra thâm hụt thương mại.

- Việt Nam chỉ có một lượng dự trữ ngoại hối nhỏ (mức dự trữ ngoại hối bình quân đầu người của Trung Quốc là 1500 USD, trong khi của Việt Nam chỉ là 250 USD).

- Thâm hụt ngân sách: Quy mô chi ngân sách của Việt Nam đã lên tới 30%, gấp đôi so với Thái Lan, Singapore, và Philippines, cao hơn mức tối ưu cho tăng trưởng kinh tế (15-25% GDP). Chi ngân sách quá cao dẫn đến thâm hụt ngân sách liên tục những năm qua. Thâm hụt ngân sách (kể cả

chi trả nợ gốc) khoảng 5% GDP hàng năm, được tài trợ thông qua vay nợ trong nước và vay nợ nước ngoài. Đến cuối năm 2007, tổng nợ của Việt Nam là 30% GDP, trong đó 60% là nợ nước ngoài.(7)

- Lạm phát vẫn ở mức khá cao: CPI tháng 12/2008 so với tháng 12/2007: 19,89%

Vi vậy, các giải pháp chống suy giảm kinh tế của Việt Nam sẽ phải chú ý một cách thận trọng đến khả năng ngân sách, dự trữ ngoại tệ và thâm hụt thương mại. Chẳng hạn, nếu cung thêm tiền cho kích cầu, lạm phát cao sẽ quay trở lại, kinh tế nước nhà sẽ lại rơi vào vòng xoáy mới có thể còn nguy hơn.

Các kiến nghị về giải pháp cho Việt Nam

1. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ (như quan điểm của Mác, Keynes và trường phái trọng cung). Hỗ trợ lãi suất là một chính sách tốt nếu dành cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ nhằm thúc đẩy đầu tư với công nghệ mới (I tăng), tạo ra nhiều công ăn việc làm, thu nhập (C tăng). Tuy nhiên, cần thận trọng, trong cơn suy thoái kinh tế, các công nghệ lạc hậu sẽ bị thanh lý với giá rẻ - nếu vào Việt Nam sẽ không thể tạo ra năng suất lao động cao và thường gắn với tổn hại môi trường.

2. Điều chỉnh đầu tư công theo hướng tăng cường đầu tư vào các dự án tạo ra nhiều công ăn việc làm và thu nhập cho người dân, nhất là

người nghèo, để tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước (như quan điểm của Keynes và phái trọng cung). Cụ thể:

- Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn và người nghèo. Nông dân chiếm 73% dân số, 75% lực lượng lao động của Việt Nam, là những người nghèo nên xu hướng tiêu dùng biên của họ là cao hơn của người giàu. Vì thế đầu tư cho nông dân nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo có hiệu quả cao hơn trong việc kích cầu (làm C tăng) (quan điểm của Keynes). Đầu tư cho nông dân và người nghèo trong lúc khó khăn còn thể hiện sự quan tâm của Đảng và Chính phủ tới họ trong lúc khó khăn, đảm bảo an sinh xã hội, duy trì ổn định chính trị.

- Giảm bớt đầu tư, đình hoãn các dự án công nghiệp nặng quá tốn kém, tạo ra ít việc làm để đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn là những ngành tạo nhiều công ăn việc làm cho người nghèo và đầu tư cho các ngành tạo ra nhiều hàng hoá cho xuất khẩu (như quan điểm của Keynes).

- Ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế (tăng G - như quan điểm của Krugman), để vừa tạo việc làm, tăng thu nhập và tăng sức mua nhằm kích cầu trước mắt (tăng C), cũng vừa là để tạo ra sức bật mới cho nền kinh tế phát triển bền vững sau thời kỳ suy giảm.

- Khi kinh tế phục hồi thì cần chuyển đầu tư công sang tăng cường đầu tư tư nhân để tăng cường tính hiệu quả.

3. *Chú trọng tìm thị trường cho xuất khẩu, hướng ngay vào thị trường nội địa.* Xuất khẩu là một nguồn thu quan trọng cho đất nước, hàng năm chiếm tới 60% GDP. Khủng hoảng kinh tế làm sức mua của thế giới giảm. Xuất khẩu giảm ảnh hưởng nghiêm trọng tới các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu. Một mặt, Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường mới (chống giảm X). Mặt khác, thị trường nội địa 86 triệu dân là một thị trường lớn, nhiều lĩnh vực đang bị bỏ ngỏ, mặc cho hàng ngoại, nhất là hàng Trung Quốc xâm chiếm. Do vậy, phải hướng ngay vào thị trường nội địa (giúp giảm M, nên tăng được NX). Thị trường trong nước phải là chỗ dựa cho các sản phẩm Việt Nam giữ vững sản lượng trong khi mai phục chờ đợi sức mua

của thị trường bên ngoài hồi phục (tăng C bù vào X giảm). KHKT là cơ hội vì hàng loạt nhà sản xuất và cung cấp bị phá sản, nếu ai giữ vững được sản lượng và kiên nhẫn chờ đợi thì sẽ có thời cơ lớn để chiếm lĩnh và làm chủ thị trường thế giới khi nền kinh tế thế giới phục hồi và hưng thịnh.

4. *Cần có sự nhất quán trong chính sách kích cầu.* Nhà nước đang cố gắng hỗ trợ doanh nghiệp lãi suất cho vay để giảm chi phí (làm I tăng nhằm tăng cường sản xuất từ đó kích cầu tư liệu sản xuất và cả cầu tư liệu tiêu dùng của người lao động - theo quan điểm của Mác, Keynes và trường phái trọng cung). Nhưng trong khi đó, Chính phủ lại đồng ý tăng giá điện làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp, làm giảm nỗ lực kích cầu của Nhà nước khoảng 5000 tỷ đồng (vì làm I giảm) (5)

5. *Thực hiện chính sách tỷ giá tìm bước hạ giá đồng VND so với USD* để kích thích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu nhằm tăng NX. Tuy nhiên, sẽ phải chấp nhận lạm phát ở một mức nào đó (quan điểm của trường phái trọng tiền).

6. *Thay đổi thể chế công khai, minh bạch, để các dự án kích cầu* được triển khai đúng mục tiêu, rút ngắn thời gian triển khai nhằm sớm phát huy hiệu quả, quan tâm chống tiêu cực trong triển khai các dự án để giữ vững lòng tin của xã hội (I tăng nhằm tăng cầu tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng - như quan điểm của Mác, Keynes và trường phái trọng cung)

7. *Cung cấp thông tin và tuyên truyền về nguyên nhân của suy giảm kinh tế* để quần chúng hiểu, ủng hộ và tích cực, chủ động tham gia thực hiện và giám sát thực hiện các giải pháp của Chính phủ. Kích động lòng yêu nước của người dân, phát động phong trào "người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" (nhằm tăng C trong hàm tổng cầu Keynes) (theo trường phái trước Mác, Mác, Keynes).

Nguồn vốn nào có thể tài trợ cho các giải pháp?

● Phát hành trái phiếu để vay trong nước. Đây là nguồn quan trọng!

● Miễn giảm thuế để duy trì hoặc mở rộng doanh nghiệp: Việc này có thể sẽ làm thâm hụt ngân sách vì phần thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm do mở rộng doanh nghiệp có thể không đủ bù đắp phần thuế

được miễn giảm, nên khó có thể trông đợi nhiều từ nguồn này.

● Sử dụng Quỹ Dự phòng (hiện có 23 tỷ USD): Đây là giải pháp không có nhiều sức nặng, do Quỹ Dự phòng hiện nay quá nhỏ, còn để đề phòng khả năng phá giá VND và sức ép lạm phát.

● Tăng sản lượng khai thác dầu mỏ: do giá dầu lên xuống thất thường, có lúc lên tới 140USD/ thùng; có lúc xuống còn 40 USD/thùng nên chưa có nhiều hy vọng!

● In và phát hành tiền: Cần thận trọng khi sử dụng chính sách tài chính nới lỏng, phát hành nhiều tiền quá mức sẽ lại dẫn đến lạm phát.

● Vay nước ngoài: Theo Bộ Tài chính, tổng dư nợ nước ngoài đến cuối 2007 đã là 30% GDP. Mức này là khá cao nhưng chưa phải là quá cao, nên vẫn có thể vay thêm nếu cần thiết. Đây là nguồn quan trọng!

● Hoàn trả nợ. IMF thường ưu tiên các nền kinh tế chuyển đổi trong việc cho hoàn trả nợ! Việc Chính phủ đề nghị IMF và các tổ chức quốc tế khác cho hoãn trả nợ và tiếp tục cho vay là một biện pháp khá thi.

Tài liệu tham khảo:

1. Wikipedia. 2009.
2. Nguyễn Văn Nam. 2009. *Khủng hoảng tài chính kinh tế toàn cầu hiện nay và bài học kinh nghiệm trong ngân chặn suy giảm, kích thích kinh tế của một số nước đối với Việt Nam. Hội thảo khoa học quốc gia "Ngân chặn suy giảm Kinh tế Việt Nam" 9/4/2009. ĐHKQTĐ Hà Nội*
3. Đào Thế Tuấn, 2009. *Bản chất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, cứu vớt chủ nghĩa tư bản hay xây dựng chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế. Số 370. Tháng 3/2009*
4. Trần Đình Thiên, 2009. *Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tác động đến Việt Nam và giải pháp ứng phó. Hội thảo khoa học "Tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới- chính sách ứng phó của Việt Nam". Viện Kinh tế Việt Nam.*
5. Trần Việt Tiến, 2009. *Chống suy thoái kinh tế: Lý thuyết và vận dụng ở nước ta hiện nay. Hội thảo khoa học quốc gia "Ngân chặn suy giảm Kinh tế Việt Nam" 9/4/2009. ĐHKQTĐ Hà Nội*
6. Mai Ngọc Cường, 2009. *Vận dụng các lý thuyết chống khủng hoảng kinh tế vào cuộc chiến ngân chặn suy giảm kinh tế ở Việt Nam. Hội thảo khoa học quốc gia "Ngân chặn suy giảm Kinh tế Việt Nam" 9/4/2009. ĐHKQTĐ Hà Nội*
7. Trần Thọ Đạt, 2009. *Kinh tế học Keynes và các giải pháp ứng phó với khủng hoảng kinh tế. Hội thảo khoa học quốc gia "Ngân chặn suy giảm Kinh tế Việt Nam" 9/4/2009. ĐHKQTĐ Hà Nội*